

DEVELOPING OBSERVATION SKILLS FOR CHILDREN 5-6 YEARS OLD THROUGH BIG-BOOK

Trinh Thi Huong^{1*}, Lu Hung Minh¹
and Trinh Thi Lan²

¹*School of Education, Can Tho University,
Can Tho city, Vietnam*

²*Faculty of Philology, Hanoi National University
of Education, Hanoi city, Vietnam*

*Corresponding author Trinh Thi Huong,
e-mail: thihuong@ctu.edu.vn

Received August 15, 2024.

Revised September 18, 2024.

Accepted October 2, 2024.

PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG QUAN SÁT CHO TRẺ MẪU GIÁO 5-6 TUỔI QUA SÁCH KHỔ LỚN

Trịnh Thị Hương^{1*}, Lữ Hùng Minh¹
và Trịnh Thị Lan²

¹*Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ,
thành phố Cần Thơ, Việt Nam*

²*Khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội,
thành phố Hà Nội, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ Trịnh Thị Hương,
e-mail: thihuong@ctu.edu.vn

Ngày nhận bài: 15/8/2024.

Ngày sửa bài: 18/9/2024.

Ngày nhận đăng: 2/10/2024.

Abstract. Observation skills are one of the primary and essential skills in preschool children's learning and development process. Many studies have shown that children aged 5-6 have better observational abilities than other ages because their motor, thinking and emotional processes are in a substantial stage of development. Children can recognize and understand specific characteristics of surrounding objects and phenomena at this stage through direct observation. To promote the development of children's observation skills at this age, teachers need to use teaching aids and design learning activities to create opportunities for children to observe, explore, and compare. And comment on surrounding objects and phenomena. This article presents the results of using Big books to develop observation skills for 5-6-year-old children at some preschools in Can Tho city. The research was conducted using both theoretical and experimental research methods. The data are collected and analyzed using qualitative and quantitative methods. The results showed that children's observation skills changed significantly after reading and telling stories with Big books.

Keywords: big book, observation, observation skills.

Tóm tắt. Kỹ năng (KN) quan sát là một trong những KN cơ bản và quan trọng trong quá trình học tập và phát triển của trẻ mầm non. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng trẻ em ở độ tuổi 5-6 có khả năng quan sát tốt hơn so với các độ tuổi khác do quá trình vận động, tư duy và cảm xúc của các em đang phát triển mạnh mẽ. Ở giai đoạn này, trẻ có thể nhận biết và hiểu được các đặc điểm cụ thể của sự vật, hiện tượng xung quanh thông qua hoạt động quan sát trực tiếp. Để thúc đẩy sự phát triển của KN quan sát của trẻ ở lứa tuổi này, giáo viên cần sử dụng các phương tiện dạy học và thiết kế các hoạt động học tập để tạo cơ hội cho trẻ quan sát, khám phá, so sánh và nhận xét về các sự vật, hiện tượng xung quanh. Bài viết này trình bày kết quả của việc sử dụng sách khổ lớn (Big-book) để phát triển KN quan sát cho trẻ 5-6 tuổi tại một số trường mầm non của thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu lí thuyết và thực nghiệm. Các số liệu được thu thập và phân tích bằng phương pháp định tính và định lượng. Kết quả cho thấy KN quan sát của trẻ có sự thay đổi đáng kể sau quá trình đọc, kể với sách khổ lớn.

Từ khóa: sách khổ lớn, quan sát, kỹ năng quan sát.

1. Mở đầu

Đa số hành vi của con người được hình thành thông qua quan sát. Ngay từ lúc còn nhỏ, trẻ bắt đầu khám phá môi trường xung quanh và học mọi thứ từ việc quan sát. Albert Bandura (1977) trong lý thuyết học xã hội của mình, đã chỉ ra rằng trẻ em học các hành vi xã hội thông qua quan sát và bắt chước người khác. Ví dụ, khi trẻ thấy người lớn làm việc nhà, các em có thể muốn thử làm theo. Khi đến trường mầm non, trẻ được tham gia vào các hoạt động giáo dục, được hướng dẫn quan sát, học hỏi một cách có chủ ý. Trẻ có thể học từ bạn bè, từ những trải nghiệm của cá nhân trong và ngoài lớp học để tích lũy tri thức cho bản thân mình... Vygotsky (1978) cho rằng việc học tập diễn ra hiệu quả nhất khi trẻ tham gia vào các hoạt động xã hội và tương tác với những người có hiểu biết cao hơn một chút. Có thể thấy, “quan sát” được xem là một “cách học” chủ đạo của trẻ. Nếu trẻ được dạy cách quan sát thì KN quan sát của trẻ sẽ tập trung và có chủ đích hơn.

Đề dạy KN quan sát cho trẻ, GV có thể dùng nhiều biện pháp khác nhau như tổ chức cho trẻ chơi trò chơi, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, múa hát (quan sát và học theo động tác),... và sử dụng sách khổ lớn được xem như một phương tiện có thể sử dụng để phát triển KN quan sát cho trẻ. Khi bàn về sách khổ lớn (Big book), nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến việc sử dụng sách khổ lớn trong dạy học phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Goodman (1986) đã chỉ ra rằng việc sử dụng sách khổ lớn giúp trẻ dễ dàng nhận ra các từ và hiểu mối quan hệ giữa chữ viết và âm thanh. Yaacob, A., & Pinter, A. (2008) cho rằng sách khổ lớn có thể làm tăng hứng thú và động lực học của học sinh, sử dụng sách khổ lớn nhằm nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ cho trẻ như kỹ năng đọc, nói và tăng vốn từ trong đọc, nói/kể chuyện (Mattarima, S. M. U., & Afifi, N, 2024; Rahmasari, B. S., 2022). Sách khổ lớn cũng đã được một số các nhà nghiên cứu tại Việt Nam quan tâm khi sử dụng trong dạy học để phát triển năng lực ngôn ngữ cho trẻ, điển hình như Trần Nguyễn Nguyên Hân (2014), cho trẻ trải nghiệm với sách nhằm phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ (Nguyễn Thị Hải Thanh, 2017) hay thúc đẩy khả năng đọc viết cho trẻ mẫu giáo (Nguyễn Thị Thanh Thảo (2022)). Có thể thấy, sách khổ lớn đều được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước được sử dụng như một phương tiện để hỗ trợ phát triển các KN ngôn ngữ cho trẻ, làm tăng hứng thú đọc của trẻ. Đó là do sách có những hình ảnh minh họa với kích thước lớn, có thể thu hút sự tập trung chú ý của trẻ và kích thích sự tò mò của trẻ nên trẻ cần được hướng dẫn cách quan sát một cách có chủ đích. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu dạy trẻ cách quan sát khi tương tác với sách khổ lớn để nhận diện được các yếu tố trong sách và đưa ra được những nhận xét, đánh giá của trẻ về những gì quan sát được, góp phần phát triển tư duy và kỹ năng ngôn ngữ cho trẻ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chính sau:

- *Phương pháp nghiên cứu lý thuyết*: Phương pháp được sử dụng để xác lập lý thuyết nền tảng về KN quan sát, sách khổ lớn, những biểu hiện của KN quan sát được thể hiện trong khi tương tác với sách khổ lớn trong giờ học ngôn ngữ, các bước dạy trẻ KN quan sát cùng với sách khổ lớn.

- *Phương pháp thực nghiệm sư phạm*: Nghiên cứu tổ chức thực nghiệm sư phạm để đánh giá tác động của việc sử dụng sách khổ lớn trong giờ giáo dục ngôn ngữ đến KN quan sát của trẻ.

Các dữ liệu thu thập được thu thập và xử lý bằng phương pháp định tính và định lượng. Số liệu xử lý định tính nhằm chỉ ra các biểu hiện của KN quan sát trong suốt tiến trình trẻ tương tác với sách khổ lớn. Số liệu định lượng biểu diễn kết quả của quá trình trẻ tương tác với sách khổ lớn trong giờ học.

2.2. Kỹ năng và kỹ năng quan sát

Theo Nguyễn Kim Thảo và cộng sự (2005), KN là khả năng vận dụng những kiến thức đã thu nhận được trong một lĩnh vực nào đó vào thực tiễn: rèn luyện KN trong thực tiễn (tr.638) còn quan sát là “xem xét để thấy, để biết rõ”.

Bàn về KN quan sát, Sugarman (1987) cho rằng KN quan sát là nền tảng của việc học trải nghiệm, cho phép người học phản ánh về những gì đã trải nghiệm qua và rút ra những hiểu biết có ý nghĩa để áp dụng trong tương lai. Ở một khía cạnh khác khi xem xét đến các trí thông minh, Garner (2011) đã xem KN quan sát là có liên quan đến nhiều loại trí thông minh, đặc biệt là trí thông minh không gian và trí thông minh giao tiếp, liên quan đến khả năng nhận thức và diễn giải thông tin hình ảnh và xã hội. Marzano và cộng sự (2001) đề cập đến khả năng thu thập dữ liệu một cách có hệ thống thông qua các giác quan để từ đó cho phép mỗi cá nhân đưa ra kết luận và suy luận dựa trên những minh chứng thu thập được. Kế thừa những quan điểm trên, Harlen (2015) cho rằng KN quan sát bao gồm việc sử dụng các giác quan (nhìn, nghe, sờ, ngửi, nếm) để thu thập thông tin về các đặc điểm của sự vật, hiện tượng như hình dạng, kích thước, màu sắc, âm thanh, mùi vị... KN này cũng liên quan đến việc “ghi chép lại một cách có hệ thống những gì quan sát được” (dẫn theo Loxley và cộng sự, 2017).

Từ những quan niệm của các nhà nghiên cứu trên, chúng tôi nhận thấy KN quan sát của trẻ mẫu giáo được thể hiện qua trẻ có thể việc thu thập các thông tin của sự vật, hiện tượng như nhận biết chi tiết hình ảnh, theo dõi nội dung câu chuyện qua hình ảnh, kết nối chữ viết với hình ảnh; đưa ra nhận xét về biểu cảm của nhân vật trong sách; biết đặt câu hỏi và đưa ra các nhận xét.

- *Nhận biết chi tiết hình ảnh*: Trẻ thường hướng sự chú ý của mình đến các chi tiết nhỏ trong hình ảnh như màu sắc, hình dạng và các chi tiết thể hiện hành động, điệu bộ của nhân vật. Từ đó, trẻ có thể chỉ vào hình ảnh và gọi tên các đồ vật hoặc nhân vật xuất hiện trong sách. Ví dụ, khi xem một bức tranh về một khu rừng, trẻ có thể nhận ra các loài động vật khác nhau và gọi tên các loài vật dựa vào tranh minh họa một cách chính xác.

- *Nhận xét về các biểu cảm khuôn mặt của nhân vật*: Trẻ quan sát và nhận diện các biểu cảm của nhân vật qua khuôn mặt, cử chỉ, điệu bộ, đưa ra các nhận xét của mình; liên kết các biểu cảm này với nội dung câu chuyện khi được nghe kể hoặc kể lại. Ví dụ, trẻ có thể nói rằng một nhân vật trông buồn, vui, hay giận dữ và giải thích tại sao trẻ nghĩ vậy dựa trên hình ảnh hoặc khi kể lại, trẻ có thể diễn tả lại biểu cảm của nhân vật mà mình nhớ được.

- *Theo dõi nội dung câu chuyện qua hình ảnh*: Trẻ quan sát các hình ảnh trong sách để theo dõi nội dung câu chuyện và dự đoán các sự kiện tiếp theo. Điều này giúp trẻ phát triển khả năng hiểu và suy luận. Ví dụ như trẻ có thể dự đoán những gì sẽ xảy ra tiếp theo trong câu chuyện dựa trên những nội dung đã được nghe trước đó và những gì các em thấy trong hình ảnh.

- *“Đọc” kết nối giữa chữ viết và hình ảnh*: Trẻ quan sát các từ ngữ được in lớn trong sách và kết nối chúng với hình ảnh tương ứng. Ví dụ như trẻ có thể chỉ vào một từ và nói từ đó dựa trên hình ảnh kèm theo, chẳng hạn như chỉ và đọc từ “con mèo” khi quan sát hình con mèo.

- *Đặt câu hỏi và đưa ra nhận xét*: Trẻ quan sát và đặt câu hỏi về các chi tiết trong hình ảnh hoặc đưa ra nhận xét về những gì các em quan sát được. Ví dụ như trẻ có thể hỏi “Tại sao con voi lại có cái vòi dài, cái vòi dài dùng để làm gì?” hoặc nhận xét “Cái ô tô này có màu đỏ giống như cái ô tô của nhà mình”.

2.3. Sách khổ lớn (Big book)

Sách khổ lớn là những cuốn sách có kích thước quá khổ, được sử dụng trong hoạt động đọc chung để thu hút trẻ nhỏ với các chữ in và minh họa lớn, giúp các em dễ dàng nhìn thấy hình ảnh trong văn bản và theo dõi việc đọc (GaySu và Irene (2006), dẫn theo Fountas, 2006). Cunningham và Allington (1999) cho rằng sách khổ lớn là một công cụ thiết yếu trong các lớp học mầm non,

mang đến sự trải nghiệm cho trẻ khi đọc nhằm “phát triển ngôn ngữ nói, từ vựng và sự hiểu biết cho trẻ”.

Karges-Bone (1992) cho rằng trong sách khổ lớn có “những câu chuyện ngắn (10 – 15 trang) thu hút sự quan tâm của người học, chứa một mẫu văn để trẻ nhận diện và học hỏi, là những “bức tranh lớn” hỗ trợ cho việc xây dựng ý nghĩa tác phẩm, có các cụm từ lặp đi lặp lại và vốn từ vựng được kiểm soát để giúp cho trẻ bổ sung vốn từ vựng học tập, có một cốt truyện đơn giản nhưng thú vị và chứa các yếu tố hài hước” hay sách khổ lớn là “loại sách truyện được in ở bản lớn” và “có kích thước lớn, định dạng sách in với văn bản và hình ảnh minh họa” (Hall and Connor, 2006). Cùng quan điểm trên, tác giả Trần Nguyễn Nguyên Hân (2014) cũng cho rằng sách khổ lớn là sách “có chữ viết và tranh ảnh nổi bật giúp trẻ có thể thấy rõ hình ảnh và dễ hiểu nội dung của sách”. Kích thước và cấu trúc của sách khổ lớn là yếu tố giúp trẻ phân biệt chính xác tranh ảnh và văn bản trong sách.

Từ các quan điểm trên có thể hiểu sách khổ lớn là phiên bản phóng to cho trẻ em, có chữ viết và tranh ảnh nổi bật, giúp trẻ có thể thấy rõ hình ảnh và văn bản của sách, được giáo viên sử dụng để hướng dẫn trẻ quan sát, nhận diện nội dung sách thông qua kênh hình ảnh và kể lại nội dung câu chuyện trong sách theo hướng dẫn của giáo viên. Sách khổ lớn có một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, kích thước sách lớn so với sách thông thường, thu hút sự chú ý của trẻ, cho phép trẻ dễ dàng nhìn thấy các chi tiết hình ảnh và chữ viết từ xa, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ có thể quan sát cùng nhau.

Thứ hai, hình ảnh trong sách khổ lớn thường được minh họa rõ ràng, màu sắc tươi sáng với các chi tiết phong phú giúp trẻ dễ dàng nhận biết sự vật và thu hút sự tập trung chú ý vào các chi tiết để quan sát.

Thứ ba, các câu chuyện hoặc nội dung trong sách gần gũi, cuốn hút tạo điều kiện trẻ tương tác với cô và các bạn, ví dụ như trẻ có thể đặt câu hỏi hoặc tham gia vào câu chuyện. Chính sự tương tác này giúp trẻ tập trung và tham gia tích cực vào quá trình quan sát và học hỏi.

Với những đặc điểm trên, sách khổ lớn có vai trò quan trọng trong phát triển tư duy phản biện và khả năng sáng tạo của trẻ. Cameron và Gatewood (2016) cho rằng trẻ có thể phát hiện và phân tích các yếu tố nhỏ khi được quan sát với sách khổ lớn. Nghiên cứu của Brown và cộng sự (2018) cũng nhấn mạnh rằng trẻ em thường phản ứng tích cực hơn với những cuốn sách có kích thước lớn, bởi vì chúng dễ nhận thấy những chi tiết nhỏ và cảm thấy bị cuốn hút vào thế giới hình ảnh một cách tự nhiên hơn. Có thể thấy, việc sử dụng sách khổ lớn trong giáo dục không chỉ giúp trẻ quan sát một cách có chủ đích, tạo sự hứng thú hơn cho trẻ mà còn góp phần phát triển tư duy cho trẻ.

2.4. Thực nghiệm sử dụng sách khổ lớn phát triển kỹ năng quan sát cho trẻ

2.4.1. Mục tiêu

Thực nghiệm nhằm mục tiêu phát triển KN quan sát cho trẻ trong giờ giáo dục ngôn ngữ với sách khổ lớn. Nghiên cứu theo dõi các biểu hiện của KN quan sát của trẻ khi học với sách khổ lớn gồm các biểu hiện như trình bày ở trên.

2.4.2. Đối tượng và thời gian thực nghiệm

Đối tượng thực nghiệm: 38 trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi (Lớp Lá).

Phạm vi và thời gian thực nghiệm: Thực nghiệm sư phạm tại ba trường mầm non của thành phố Cần Thơ (quận Ninh Kiều, Cái Răng và Bình Thủy). Thời gian thực nghiệm bắt đầu từ tháng 10/2023 đến tháng 03/2024.

Dữ liệu thu thập: Giáo án, biên bản dự giờ, hình ảnh và video clip, phiếu quan sát các biểu hiện KN quan sát của trẻ.

2.4.3. Nội dung dạy thực nghiệm

Nội dung thực nghiệm: phát triển kỹ năng quan sát trong dạy đọc, kể các bài sau với sách khổ lớn tại một số trường mầm non của thành phố Cần Thơ.

Bảng 1. Danh sách bài dạy thực nghiệm

STT	Thời gian	Bài dạy
1.	11/10/2023	Đọc thơ <i>Phải là hai tay</i>
2.	20/10/2023	Kể chuyện <i>Gấu con bị sâu răng</i>
3.	19/11/2023	Kể chuyện <i>Dê con nhanh trí</i>
4.	31/10/2023	Đọc thơ <i>Làm anh</i>
5.	30/11/2023	Kể chuyện <i>Ba cô gái</i>
6.	28/3/2024	Kể chuyện <i>Dê trắng, Dê đen</i>
7.	18/10/2023	Kể chuyện <i>Cáo, Thỏ, Gà Trống</i>
8.	27/10/2023	Đọc thơ <i>Mèo đi câu cá</i>
9.	27/02/2024	Kể chuyện <i>Vườn rau của Thỏ út</i>
10.	25/3/2024	Kể chuyện <i>Gà con tìm mẹ</i>

2.4.4. Tiêu chí đánh giá kỹ năng quan sát

Dựa vào các biểu hiện của KN quan sát trong quá trình trẻ tương tác với sách khổ lớn khi đọc, kể, chúng tôi xây dựng thang đo để đánh giá với 4 mức độ như sau:

Bảng 2. Tiêu chí đánh giá KN quan sát của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
1. Nhận biết chi tiết hình ảnh	Trẻ không chú ý hoặc chỉ chú ý đến một vài chi tiết trong hình ảnh.	Trẻ nhận biết được một số chi tiết cơ bản trong hình ảnh.	Trẻ nhận biết được nhiều chi tiết trong hình ảnh và mô tả chúng một cách rõ ràng.	Trẻ nhận biết và mô tả chi tiết hình ảnh một cách chính xác và phong phú, bao gồm cả các chi tiết nhỏ.
2. Nhận xét về các biểu cảm khuôn mặt của nhân vật	Trẻ không nhận diện hoặc nhận diện sai biểu cảm khuôn mặt của các nhân vật.	Trẻ nhận diện được một số biểu cảm cơ bản (ví dụ: vui, buồn).	Trẻ nhận diện và mô tả được nhiều biểu cảm khác nhau của các nhân vật.	Trẻ nhận diện và mô tả chi tiết các biểu cảm khuôn mặt, đồng thời liên hệ chúng với nội dung câu chuyện.
3. Theo dõi nội dung câu chuyện qua hình ảnh	Trẻ gặp khó khăn trong việc theo dõi cốt truyện hoặc không theo dõi được cốt truyện.	Trẻ theo dõi được cốt truyện với sự trợ giúp của giáo viên.	Trẻ theo dõi được cốt truyện một cách độc lập và có thể dự đoán một số sự kiện tiếp theo.	Trẻ theo dõi cốt truyện một cách chủ động, có thể dự đoán chính xác các sự kiện tiếp theo và giải thích lí do.
4. “Đọc” kết nối giữa chữ viết và hình ảnh	Trẻ không kết nối được chữ viết với hình ảnh hoặc kết nối sai.	Trẻ kết nối được một số từ ngữ với hình ảnh tương ứng.	Trẻ kết nối được hầu hết các từ ngữ với hình ảnh tương ứng một cách đúng đắn.	Trẻ kết nối chính xác tất cả các từ ngữ với hình ảnh tương ứng và có thể đọc một số từ ngữ đó.
5. Đặt câu hỏi và nhận xét về hình ảnh	Trẻ không đặt câu hỏi hoặc nhận xét về hình ảnh.	Trẻ đặt một số câu hỏi hoặc nhận xét cơ bản về hình ảnh với sự trợ giúp của giáo viên.	Trẻ đặt câu hỏi và nhận xét độc lập về hình ảnh, thể hiện sự tò mò và hiểu biết.	Trẻ đặt câu hỏi sâu sắc và nhận xét chi tiết về hình ảnh, thể hiện sự suy nghĩ phân biện và kết nối nội dung.

2.4.5. Các bước dạy trẻ quan sát thông qua sách khổ lớn

Đề dạy trẻ KN quan sát thông qua sách khổ lớn dạy đọc kể các bài trên, GV có thể tiến hành các bước như sau:

Bước 1. Chuẩn bị: GV chọn sách khổ lớn phù hợp với độ tuổi của trẻ và tạo môi trường học tập thoải mái cho trẻ.

Bước 2. Giới thiệu sách: GV giới thiệu sách khổ lớn với trẻ và định hướng cho trẻ quan sát những ấn tượng ban đầu về sách như tên sách, tác giả và hình ảnh bìa để kích thích sự tò mò của trẻ.

Bước 3. Đọc và quan sát cùng trẻ: GV đọc to và rõ ràng từng trang sách, chỉ vào các từ và hình ảnh khi đọc. GV có thể đặt câu hỏi để định hướng cho trẻ quan sát các chi tiết về đối tượng như màu sắc, hình dạng, hành động... Trẻ được yêu cầu quan sát tỉ mỉ và nói về những gì mình quan sát được. GV cũng có thể cho trẻ đặt các câu hỏi hay đưa ra những nhận xét, đánh giá của trẻ về những gì mà các em quan sát được.

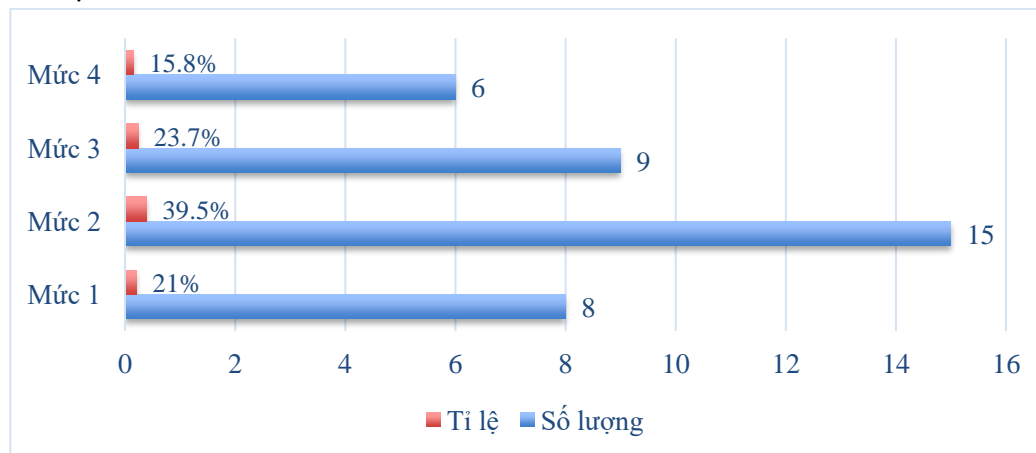
Bước 4. Kết nối chữ viết và hình ảnh: GV đọc, kết hợp chỉ vào từ ngữ và hình ảnh tương ứng để trẻ nhận diện mối quan hệ giữa chúng. Sau đó, GV cho trẻ quan sát các hình ảnh trong sách và gọi tên sự vật, sự việc, đối tượng được thể hiện tương ứng.

Bước 5. Kể lại câu chuyện: Sau khi đọc xong, GV yêu cầu trẻ kể lại câu chuyện dựa trên những gì các em nhớ và quan sát.

Bước 6. Thảo luận và mở rộng: Gv cho trẻ phát biểu cảm nghĩ của các em về câu chuyện, nhân vật, sự kiện câu chuyện... GV có thể giúp trẻ liên kết nội dung câu chuyện, những hình ảnh các em quan sát được với kinh nghiệm thực tế của trẻ.

2.4.6. Kết quả thực nghiệm

a. Nhận biết chi tiết hình ảnh



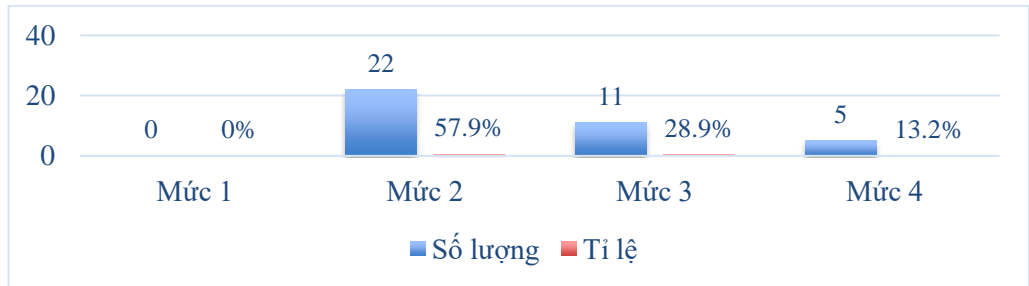
Hình 1. Kết quả tiêu chí nhận biết chi tiết hình ảnh

Thông qua tiến trình dạy thực nghiệm và quan sát biểu hiện của trẻ về KN quan sát, chúng tôi nhận thấy hầu hết trẻ khi tham gia thực nghiệm đều có thể *nhận biết được các chi tiết hình ảnh* có trong bài học dưới sự hướng dẫn và hỗ trợ của giáo viên. Kết quả thực nghiệm cho thấy: tỉ lệ trẻ không chú ý hoặc chỉ chú ý đến một vài chi tiết trong hình ảnh (mức 1) chiếm 21%; có đến 39,5% tỉ lệ trẻ nhận biết được một số chi tiết cơ bản trong hình ảnh (mức 2); trẻ nhận biết được nhiều chi tiết trong hình ảnh và mô tả chúng một cách rõ ràng (mức 3) chiếm 23,7% và tỉ lệ trẻ nhận biết và mô tả chi tiết hình ảnh một cách chính xác và phong phú, bao gồm cả các chi tiết nhỏ (mức 4) chỉ chiếm 15,8%. Phần lớn biểu hiện nhận biết chi tiết hình ảnh của trẻ tập trung ở mức 2 và mức 3. Tình trạng trẻ thiếu tập trung, lơ đãng và chịu sự chi phối bởi nhiều yếu tố bên ngoài tác động dẫn đến việc trẻ chỉ chú ý đến một số chi tiết cơ bản, trọng tâm trong câu chuyện (mức 1) vẫn còn xảy ra khá phổ biến tại các lớp thực nghiệm.

Ngoài ra, ở một số tiết dạy thực nghiệm với sách khổ lớn, chúng tôi quan sát thấy một số trẻ thể hiện được khả năng quan sát tỉ mỉ và sâu sắc của mình ngay cả một vài chi tiết nhỏ (mức 4) như trẻ nhận biết và gọi tên được hình ảnh có trên trang bìa sách khổ lớn có 3 cô gái và một bà lão, ngôi nhà, cái ghế, cái cây, cái thảm; một số trẻ khác thì thấy được cái khăn trên đầu bà lão, có đám mây, cái kẹp tóc trên đầu các cô gái... (Kể chuyện *Ba cô gái*, ngày 30/11/2023). Hay tiết kể chuyện *Dê trắng, Dê đen* (ngày 28/3/2024), trẻ nhận diện được tên gọi các con vật như Sói, bạn Dê đen và Dê trắng, có trẻ còn nhận diện được cả hành động và trạng thái của các nhân vật có trong ảnh bìa của sách khổ lớn.

b. Nhận diện và nhận xét về các biểu cảm khuôn mặt của nhân vật

Bên cạnh tiêu chí nhận diện chi tiết hình ảnh thì việc trẻ có thể *nhận diện và nhận xét được các biểu cảm trên khuôn mặt của nhân vật* cũng là một biểu hiện trong việc thể hiện KN quan sát của trẻ. Với tiêu chí này, chúng tôi ghi nhận được kết quả như sau: tỉ lệ trẻ nhận diện được một số biểu cảm cơ bản (mức 2) chiếm khá cao 57,9%, tỉ lệ trẻ nhận diện và mô tả được nhiều biểu cảm khác nhau của các nhân vật (mức 3) chiếm 28,9% và chỉ có 13,2% trẻ nhận diện và mô tả chi tiết các biểu cảm khuôn mặt, đồng thời liên hệ chúng với nội dung câu chuyện (mức 4). Hầu như không có trường hợp trẻ không nhận diện hoặc nhận diện sai biểu cảm khuôn mặt của các nhân vật (mức 1).

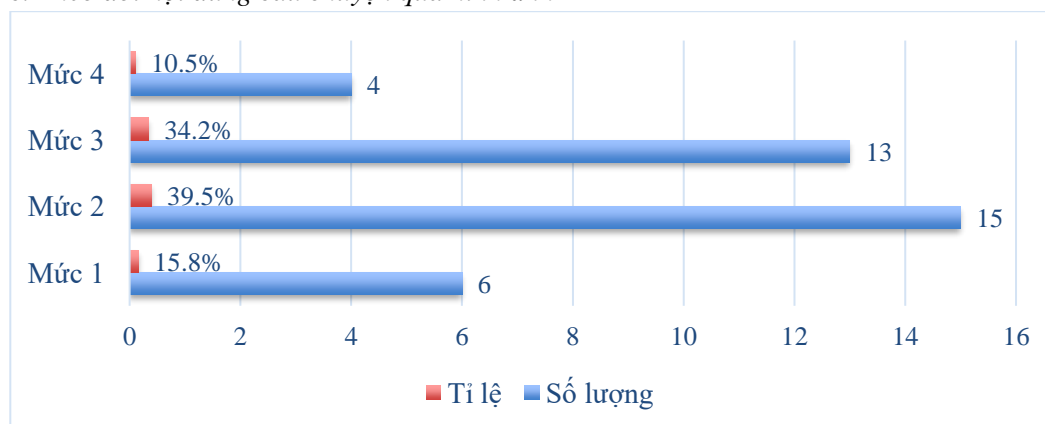


Hình 2. Kết quả tiêu chí nhận diện và nhận xét các biểu cảm khuôn mặt của nhân vật

Kết quả này cho thấy trẻ thể hiện được khả năng quan sát một cách toàn diện từ việc nhận biết được chi tiết, hình ảnh cho đến những biểu cảm của từng nhân vật trong toàn bộ câu chuyện. Thông qua việc sử dụng sách khổ lớn để dạy trẻ kể chuyện hay đọc thơ thì trẻ không chỉ gọi được tên và diễn tả được nét mặt, cảm xúc, hành động, âm thanh của các nhân vật được nói đến trong bài học mà trẻ còn biết liên hệ với nội dung câu chuyện.

Ví dụ như trẻ mô tả lại giọng nói “ồm ồm” và vẻ mặt dữ tợn của chú Sói ranh ác trong câu chuyện *Dê con nhanh trí* (ngày 19/11/2023), là tiếng kêu “meo meo” và vẻ mặt buồn hiu của hai anh em nhà mèo khi đi câu cá trong bài thơ *Mèo đi câu cá* (ngày 27/10/2023) hay vẽ mặt nhăn nhó, đau đớn của bạn Gấu khi bị đau răng trong câu chuyện *Gấu con bị sâu răng*... Bên cạnh đó, trẻ còn biết thể hiện cảm xúc của mình thông qua sự tương tác của GV về nội dung của những câu chuyện kể. Đó là cảm xúc của sự hả hê khi lão Sói già bị đánh đuổi bỏ chạy vào rừng (truyện *Dê trắng, Dê đen*); là cảm xúc vui mừng hân hoan của đàn Dê con khi mẹ trở về nhà (truyện *Dê con nhanh trí*); là cảm xúc đầy mãn nguyện ngập tràn tình yêu thương, sự hiếu thảo của cô gái Út đối với mẹ mình (truyện *Ba cô gái*) và còn là cảm xúc thất vọng của mẹ Thỏ út khi Thỏ út chưa ngoan hay sự vui mừng của Thỏ út khi biết ăn năn, hối hận để rồi đạt được thành quả xứng đáng cho công sức mình bỏ ra (truyện *Vườn rau của Thỏ út*)... Ngay cả, khi GV dạy đọc thơ bài *Mèo đi câu cá*, GV cũng yêu cầu trẻ vừa đọc thơ vừa ra điệu bộ cử chỉ với những câu/đoạn thơ cần sự biểu cảm như: “*Anh em mèo trắng – Vác giỏ đi câu*” (hành động vác giỏ); “*Hiu hiu gió thổi – Buồn ngủ quá chừng*” (hành động dụi mắt, ngáp và khép mắt); “*Đôi mèo hối hả - Quay về lều gianh*” (hành động vừa đi vừa chạy, nhanh, gấp, thờ) hay “*Giỏ anh, giỏ em – Không con cá nhỏ - Cả hai nhăn nhó – Cùng khóc meo meo*” (hành động mở giỏ cá, lắc tay, gương mặt nhăn nhó, biểu cảm buồn và hai tay dụi mắt, khóc òa...) tương ứng với từng hình ảnh minh họa trong sách khổ lớn để trẻ dễ dàng quan sát và tái hiện lại nội dung bài học.

c. Theo dõi nội dung câu chuyện qua hình ảnh



Hình 3. Kết quả tiêu chí theo dõi nội dung câu chuyện qua hình ảnh

Thông qua kết quả thực nghiệm ở hình 3, chúng tôi nhận thấy trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi thể hiện rất rõ KN quan sát của bản thân thông qua việc *trẻ theo dõi được nội dung câu chuyện thông qua kênh hình ảnh* trong sách khổ lớn. Điều này được thể hiện bằng việc có đến 73,7% trẻ theo dõi được cốt truyện và dự đoán được một số sự kiện của câu chuyện, trong đó mức 2 chiếm 39,5% và mức 3 chiếm 34,2%. Tỉ lệ trẻ gặp khó khăn trong việc theo dõi cốt truyện hoặc không theo dõi được cốt truyện (mức 1) chiếm tỉ lệ thấp là 15,8%. Đặc biệt, trường hợp trẻ theo dõi cốt truyện một cách chủ động, có thể dự đoán chính xác các sự kiện tiếp theo và giải thích lí do (mức 4) chiếm tỉ lệ không cao, chủ yếu tập trung ở một số trẻ tích cực, nhanh nhẹn và năng động trong một số lớp thực nghiệm, chiếm 10,5%.

Trước khi trẻ đưa ra dự đoán của mình về sự việc diễn ra trong câu chuyện thì trẻ đã có thời gian làm quen với câu chuyện đó thông qua lời kể mẫu của GV với sách khổ lớn. GV thực hiện hoạt động này lặp đi lặp lại từ 1-2 lần, thậm chí nhiều hơn nếu câu chuyện quá dài hay quá khó đối với trẻ. Tuy nhiên, ở đây giáo viên không yêu cầu trẻ lặp lại đúng hoàn toàn từng câu, từng chữ trong câu chuyện mà chỉ yêu cầu trẻ nêu được dự đoán của mình về sự việc tiếp theo diễn ra thông qua hình ảnh minh họa được chuẩn bị trong sách khổ lớn. Ví dụ như truyện *Dê trắng, Dê đen*, khi GV kể đến đoạn Dê đen ra bờ sông uống nước và đã gặp Sói, sau đó Sói đã hỏi “*Dê kia mi đi đâu?*”, Dê đen liền đáp lời: “*Tao đi tìm kẻ thích gây sự đây!*”. Đến đây, GV hỏi trẻ: “*Theo các con thì tiếp theo Sói sẽ làm gì?*”. Trẻ sẽ dựa vào hình ảnh và trả lời theo trí nhớ hoặc sự hiểu biết của mình. Cũng có trường hợp trẻ trả lời chính xác dữ kiện, chi tiết tiếp theo của câu chuyện là “*Sói tiếp tục hỏi Dê đen, dưới chân mi có gì? Trên đầu mi có gì? Trái tim mi thế nào?*” tương ứng với diễn biến của câu chuyện. Nhưng cũng có trẻ nhớ nhầm, thay đổi thứ tự của câu hỏi của lão Sói già khi hỏi Dê đen.



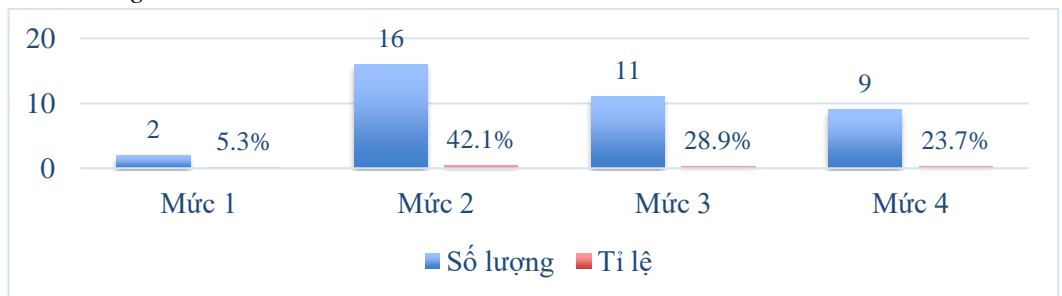
Hình 4. Trẻ tham gia dự đoán với với Bigbook “Dê trắng, Dê đen”

Hay truyện *Gấu con bị sâu răng*, khi kể đến trang thứ ba của sách khổ lớn về chi tiết bạn Gấu ăn rất nhiều bánh kẹo là quà của các bạn tặng trong ngày sinh nhật, khi ăn xong Gấu không chịu vệ sinh răng miệng sạch sẽ mà đi ngủ ngay. Đến đây, GV yêu cầu trẻ dự đoán sự kiện/tình huống sẽ xảy ra ở trang tiếp theo liên quan đến bạn Gấu là gì. Trẻ lần lượt đưa ra các dự đoán của mình như: “*Gấu đi bệnh viện gặp Bác sĩ a!*” hay “*Gấu con bị sâu răng được mẹ đưa đến gặp Bác sĩ*”...



Hình 5. Trẻ tham gia dự đoán với Bigbook “*Gấu con bị sâu răng*”

d. Kết nối giữa chữ viết và hình ảnh

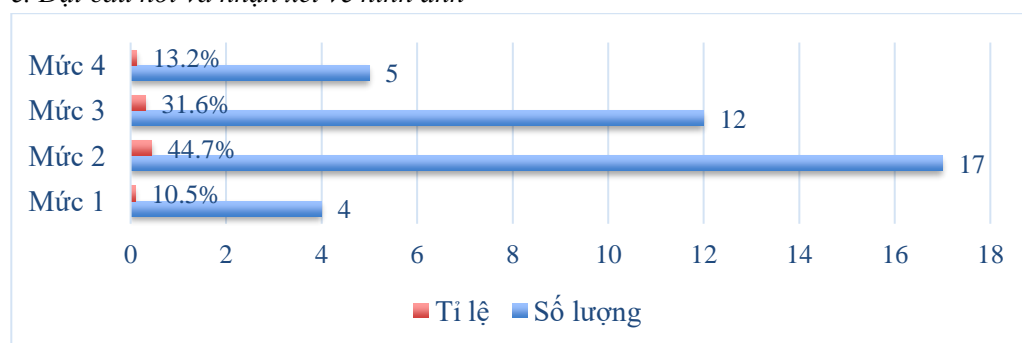


Hình 6. Kết quả tiêu chí kết nối giữa chữ viết và hình ảnh

KN quan sát của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi không chỉ được biểu hiện qua khả năng nhận biết được hình ảnh, chi tiết, nội dung câu chuyện trong quá trình tương tác với sách khổ lớn mà còn đòi hỏi ở trẻ khả năng *kết nối hình ảnh với từ ngữ, chữ viết* tương ứng trong từng bài thơ/câu chuyện mà trẻ tiếp xúc. Vì vậy, thông qua các tiết dạy thực nghiệm giáo viên cũng tổ chức nhiều hình thức, hoạt động để trẻ có thể bộc lộ được khả năng quan sát của mình như cho trẻ nhận diện chữ cái ngay từ nhan đề của sách khổ lớn (ví dụ như trẻ nhận diện được chữ cái D, C, E, N, H, I trong nhan đề sách khổ lớn “*Dê con nhanh trí*”, chữ A, Ô, B, I trong nhan đề truyện “*Ba cô gái*”...) hay phóng to từ khóa và hình ảnh có trong sách khổ lớn trên khổ giấy A1 hoặc A0 rồi cho các nhóm thi đua nối hình và từ khóa tương ứng với nội dung câu chuyện/bài thơ đã học. Thậm chí, GV còn tổ chức một số trò chơi cho trẻ tìm chữ cái bằng thẻ từ là các hình ảnh minh họa như thẻ từ Dê đen, Dê trắng, Sói ứng với các tranh minh họa trong truyện *Dê trắng, Dê đen*; hình ảnh Cáo, Gà trống, Thỏ ứng với các từ khóa trong truyện *Cáo, Thỏ, Gà trống*; Từ khóa cà rốt, Thỏ mẹ, Thỏ út trong truyện *Vườn rau của Thỏ út* chẳng hạn...

Từ kết quả ở hình 6, chúng tôi nhận thấy đa số trẻ đều biết kết nối được một số từ ngữ với hình ảnh tương ứng, đúng đắn phù hợp chiếm tỉ lệ cao như 42,1% ở mức 2 và 28,9% ở mức 3. Tỉ lệ trẻ kết nối chính xác tất cả các từ ngữ với hình ảnh tương ứng và có thể đọc một số từ ngữ đó (mức 4) chiếm 23,7%. Tuy nhiên, việc trẻ có thể đọc được một số chữ cái quen thuộc và phát âm chính xác từ khóa tương ứng với hình ảnh minh họa chủ yếu xuất phát từ việc trẻ bắt chước, mô phỏng lại cách phát âm của giáo viên vì với trẻ mầm non nói chung và trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi nói riêng thì việc nhận diện và đọc được từ khóa hầu như không nằm trong yêu cầu về chuẩn ngôn ngữ của trẻ, bởi với trẻ trong giai đoạn này chỉ là quá trình trẻ làm quen với việc đọc, viết cơ bản.

e. Đặt câu hỏi và nhận xét về hình ảnh



Hình 7. Kết quả tiêu chí đặt câu hỏi và nhận xét về hình ảnh

Với trẻ 5-6 tuổi, mặc dù vốn từ tương đối phong phú, ổn định nhưng đôi lúc để truyền đạt một thông tin gì đó đến với GV hoặc bạn bè thì trẻ cũng gặp phải tình trạng lúng túng, ngôn ngữ diễn đạt rời rạc, lời nói ngắt quãng hay thậm chí trẻ “bí” từ để diễn đạt mong muốn của mình. Vì vậy trong quá trình thực nghiệm với sách khổ lớn, giáo viên luôn hướng đến các hoạt động giáo dục để trẻ có thể tự do bày tỏ được suy nghĩ, cảm xúc của mình đối với nhân vật, chi tiết hay nội dung câu chuyện/bài thơ mà trẻ được học. Chính vì lẽ đó mà tiêu chí trẻ biết *đặt câu hỏi và nhận xét về hình ảnh* là một trong những biểu hiện cao nhất của KN quan sát mà trẻ cần hình thành và rèn luyện trong suốt quá trình thực nghiệm. Thông qua kết quả ở Hình 7, chúng tôi nhận thấy tỉ lệ trẻ biết đặt một số câu hỏi hoặc nhận xét cơ bản về hình ảnh với sự trợ giúp của giáo viên (mức 2) chiếm tỉ lệ cao nhất 44,7%, tiếp theo là tỉ lệ trẻ đặt câu hỏi và nhận xét độc lập về hình ảnh, thể hiện sự tò mò và hiểu biết (mức 3) chiếm 31,6%. Tình trạng trẻ không đặt được câu hỏi hoặc nhận xét về hình ảnh (mức 1) chiếm tỉ lệ thấp, không đáng kể. Tuy nhiên, ở một số tiết dạy thực nghiệm, chúng tôi cũng ghi nhận được một số trẻ có biểu hiện đặt câu hỏi sâu sắc và nhận xét chi tiết về hình ảnh, thể hiện sự suy nghĩ phản biện và kết nối nội dung (mức 4) nhưng không nhiều, chiếm tỉ lệ 13,2%.

Ví dụ như khi dạy bài thơ *Phải là hai tay*, khi GV cho trẻ quan sát tranh có hình ảnh đưa trẻ đưa tằm cho ông bà bằng hai tay thì trẻ thắc mắc rằng “*Tại sao phải đưa tằm bằng hai tay?*” hay trong truyện *Dê trắng, Dê đen*, trẻ thắc mắc “*Tại sao Dê đen không sợ Sói như Dê trắng?*”, “*Vì sao Dê trắng bị Sói ăn thịt?*”... Hay bài kể chuyện *Gà con tìm mẹ*, hình ảnh đàn gà con đi đến đâu cũng nhận người khác làm mẹ của mình trong khi hình dáng của các đối tượng khác như Vịt, Ngỗng và Hươu đều khác với các bạn gà. Cũng vì thế nên trẻ thắc mắc và đặt câu hỏi “*Tại sao bạn gà con lại nhận cô Vịt, cô Ngỗng và bác Hươu là mẹ của mình?*”; “*Tại sao gà mẹ không đi tìm gà con?*”... Đây chính là cách mà trẻ khám phá tác phẩm, hiểu hơn về bài học mà trẻ tiếp nhận qua từng tiết dạy.

3. Kết luận

KN quan sát là một trong những KN quan trọng trong quá trình trẻ bắt đầu học và khám phá môi trường xung quanh. Ở trường mẫu giáo, thông qua quan sát tranh minh họa trong sách khổ lớn, trẻ được dạy cách quan sát như chú ý đến chi tiết màu sắc, đường nét, điệu bộ cử chỉ, hành động, nhận biết các yếu tố biểu cảm của nhân vật, nhận diện sự tương hợp giữa hình ảnh và chữ viết; đặt câu hỏi hay đưa ra các nhận xét về những gì các em quan sát. Khi trẻ biết cách quan sát và nhận diện được các đặc điểm của đối tượng quan sát, trẻ thường có nhu cầu mong muốn chia sẻ, trao đổi với mọi người. Điều này góp phần vào việc hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ của trẻ. Các hình ảnh, sự vật được thể hiện một cách sinh động qua tranh vẽ cũng đồng thời kích thích sự tò mò, trí tưởng tượng phong phú của trẻ. Vì vậy, sách khổ lớn có thể được xem là một công cụ hữu hiệu trong việc phát triển KN quan sát, phát triển tư duy và có ý nghĩa thiết thực trong hình thành và phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bandura A & Walters RH, (1977). Social learning theory. *Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall*, Vol.1, pp.141-154.
- [2] Vygotsky LS & Cole M, (1978). Mind in society: Development of higher psychological processes. *Harvard University Press*.
- [3] Goodman YM, (1986). Children were coming to know literacy. In W. H. Teale & E. Sulzby (Eds.), *Emergent literacy: Writing and reading* (pp. 1-14). Ablex.
- [4] Yaacob A & Pinter A, (2008). Exploring the effectiveness of using big books in teaching primary English in Malaysian classrooms. *Malaysian Journal of Learning and Instruction*, 5, 1-20.
- [5] Mattarima SMU & Afifi N, (2024). Developing big books to improve young learners' vocabulary acquisition. *Metathesis: Journal of English Language, Literature, and Teaching*, 8(1), 75-86.
- [6] Rahmasari BS, (2022). Big book: an attractive way to comprehend reading text for young learners. *Journal of Teaching and Learning in Elementary Education*, 5(1), 48-55.
- [7] TNN Hân, (2014). Hiệu quả của các tiếp cận sách khổ lớn (Big book approach) đối với sự phát triển ngôn ngữ viết của trẻ mầm non. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, 65, 145-152.
- [8] NTH Thanh (2017). Phát triển khả năng tiền đọc, viết cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động trải nghiệm với sách. *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt tháng 12, 46-48.
- [9] NTT Thảo (2022). Biện pháp nhằm thúc đẩy khả năng đọc viết ban đầu cho trẻ mẫu giáo. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, tập 18, số 6, 30-36.
- [10] NK Thân và cộng sự, (2006). Từ điển Tiếng Việt. *Nhà xuất bản Văn hoá Sài Gòn*.
- [11] Cameron G & Gatewood H, (2016). The influence of book size on children's attention and comprehension. *Journal of Early Childhood Literacy*, 16(3), 304-319. <https://doi.org/10.1177/1468798415586412>
- [12] Brown T, Smith J & Miller A, (2018). Visual stimuli and attention development in early childhood: The role of large-format picture books. *Early Childhood Education Journal*, 45(5), 523-531. <https://doi.org/10.1007/s10643-017-0891-x>
- [13] Sugarman L, (1987). Experiential learning: Experience as the source of learning and development, David A. Kolb, *Prentice-Hall International*, Hemel Hempstead, Herts., 1984. No. of pages: xiii+ 256.
- [14] Gardner HE, (2011). Frames of mind: The theory of multiple intelligences. *Basic books*.
- [15] Marzano RJ, Pickering D & Pollock JE, (2001). *Classroom instruction that works: Research-based strategies for increasing student achievement*. Ascd.
- [16] Loxley P, Dawes L, Nicholls L & Dore B, (2017). *Teaching primary science: Promoting enjoyment and developing understanding*. Routledge.
- [17] Fountas I, (2006). *Teaching for comprehension and fluency: Thinking, talking and writing about reading, K-8*. Heinemann.
- [18] Cunningham PM & Allington RL, (1999). Classrooms that work: They can all read and write. *Addison Wesley Longman, Inc., One Jacob Way, Reading, MA 01867*.
- [19] Karges-Bone L, (1992). Bring on the Big Books (In the Classroom). *Reading Teacher*, 45(9), 743-44.
- [20] Colville-Hall S & O'Connor B, (2006). Using Big Books: A Standards-Based Instructional Approach for Foreign Language Teacher Candidates in a PreK-12 Program. *Foreign Language Annals*, 39(3), 487-506.